TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/LĐ - ST
Ngày: 19 - 9 - 2025
V/v tranh chấp "Vô hiệu hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Trần Văn Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long *tham gia phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử công khai vụ án Lao động sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST - LĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc tranh chấp "vô hiệu hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST - LĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1970

Trú tại: ấp BN, xã NT, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: ấp BN, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Võ Minh S, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp HXT, xã HT, tỉnh Vĩnh Long (theo giấy ủy quyền ngày 03/10/2024) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Công ty TNHH B (vắng mặt)

Địa chỉ: Lô A2, Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp HP, xã PQ, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: Lô A2, Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp HP, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo pháp luật: HSU, LT – Chức danh: Tổng giám đốc

2.2. Chị Đặng Thị Đ, sinh năm 1964 (có mặt)

Trú tại: ấp BN, xã NT, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ cũ: ấp BN, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- BHVL (xin vắng)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh D – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 6F PH, phường LC, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chị C và chị Đặng Thị Đ là chị em ruột, vào năm 2011 chị C có đưa hồ sơ cá nhân của chị C cho chị Đ mượn để đăng ký tuyển dụng làm việc (công nhân) tại Công ty TNHH B. Chị Đ đã ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH B từ ngày 20/9/2011 đến ngày 22/02/2016 nhưng tên ghi trong hợp đồng là Đặng Thị C, có sổ Bảo hiểm xã hội số 8611009107.

Năm 2016 chị Đ nghỉ việc đã thực hiện xong chế độ hưởng bảo hiểm xã hội đối với thời gian chị Đ đã đóng bảo hiểm với số tiền là 14.352.000đ.

Từ tháng 8/2011 đến tháng 06/2023, chị C đang làm việc tại Công ty TNHH Puo Yuen Việt Nam, địa chỉ: D10/89Q phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 06/2023, có sổ Bảo hiểm xã hội (viết tắt BHXH) số 7911346118.

Do chị C đã nghỉ việc năm 2023 và có nhu cầu nhận tiền bảo hiểm xã hội thì phát hiện thông tin bảo hiểm xã hội đang bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ ngày 20/9/2011 đến ngày 22/02/2016 nên BHVL không cho chị C nhận tiền bảo hiểm xã hội theo quy định.

Chị C kiện đòi vô hiệu hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH B và chị Đặng Thị C vì người trực tiếp lao động là chị Đặng Thị Đ. Chị C không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của việc vô hiệu hợp đồng trên.

** Bị đơn chị Đặng Thị Đ trình bày*:

Chị Đ thừa nhận năm 2011, chị có mượn hồ sơ cá nhân của chị C để để đăng ký tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B thời gian làm việc từ ngày 20/9/2011 đến ngày 22/02/2016. Chị Đ đã nghỉ việc và hưởng bảo hiểm xã hội

số tiền là 14.352.000đ. Trường hợp Bảo hiểm xã hội yêu cầu chị Đ trả lại số tiền 14.352.000đ để trả tiền bảo hiểm cho chị Đặng Thị C thì chị Đ đồng ý trả cho BHVL.

Theo yêu cầu của chị C thì chị Đ đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH B và chị Đặng Thị C vì chị Đ là người trực tiếp ký hợp đồng lao động và là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH B. Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động bị vô hiệu. Ngoài ra chị Đ không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn Công ty TNHH B có bản khai ý kiến như sau:*

Chị Đặng Thị C, sinh ngày 01/01/1970, có làm việc tại Công ty TNHH B từ ngày 20/6/2011 đến ngày 03/02/2015 với vị trí công nhân. Sau khi ký kết hợp đồng thì Công ty tiến hành đóng bảo hiểm xã hội cho chị C theo quy định pháp luật với mã số bảo hiểm 8611009107 từ tháng 09/2011 đến tháng 01/2015. Sau đó chị C thôi việc tại Công ty.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng thì Công ty không phát hiện người trực tiếp tham gia lao động và ký kết hợp đồng lao động là chị Đặng Thị Đ. Do thời gian quá lâu nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ xin việc, hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án. Trường hợp Tòa tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH B và chị Đặng Thị C thì Công ty không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* BHVL tại văn bản số 43/BHXH-QLT ngày 23/7/2015 có ý kiến như sau*:*

Chị Đặng Thị C, sinh năm 1970, chứng minh nhân dân số 331001096, số sổ BHXH 8611009107 có thời gian tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2015 tại Công ty TNHH B. Đồng thời, bà Đặng Thị C đã hưởng BHXH một lần với số tiền: 14.325.930đồng và đã hưởng 03 tháng BHTN với số tiền 1.746.160đồng.

BHVL xin vắng mặt, không tham dự phiên tòa.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long**:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007; Điều 13, Điều 15; Điều 18, Điều 49, Điều 50 Bộ Luật Lao động năm 2019; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử::

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị C. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH B và bà Đặng Thị C, người trực tiếp lao động là bà Đặng Thị Đ.

Về hậu quả pháp lý của việc vô hiệu hợp đồng: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thị C tự nguyện chịu 300.000 đồng APDSST

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị C khởi kiện đòi vô hiệu hợp đồng lao động giữa chị C và Công ty TNHH B (người trực tiếp ký hợp đồng lao động và người trực tiếp lao động là chị Đặng Thị Đ) do vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực. Đây là vụ án lao động về việc tranh chấp "vô hiệu hợp đồng lao động" theo quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019 và Điều 32 Bộ Luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH B có trụ sở tại xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Phú Quới, tỉnh Vĩnh Long) là nơi giao kết và thực hiện hợp đồng lao động, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Công ty TNHH B, BHVL vắng mặt lần 2, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét việc chị Đặng Thị C kiện đòi "vô hiệu hợp đồng lao động" giữa chị

Đặng Thị C với Công ty TNHH B với lý do vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực (chị Đặng Thị Đ là người ký kết hợp đồng lao động và là người trực tiếp lao động tại Công ty B) là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ:

- Căn cứ vào bản khai ý kiến của Công ty TNHH B thì chị Đặng Thị C, sinh ngày 01/01/1970, có làm việc tại Công ty TNHH B từ ngày 20/6/2011 đến ngày 03/02/2015 với vị trí công nhân. Sau khi ký kết hợp đồng thì Công ty tiến hành đóng bảo hiểm xã hội cho chị C theo quy định pháp luật với mã số bảo hiểm 8611009107 từ tháng 09/2011 đến tháng 01/2015.

- Theo văn bản số 430/BHXH-QLT ngày 23/78/2015 của BHVL: chị Đặng Thị C, sinh năm 1970, số CMND 331001096 có số BHXH: 8611009107, có tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2015, làm việc tại Công ty TNHH B. Chị C đã hưởng BHXH một lần với số tiền: 14.325.930đ và đã hưởng 03 tháng BHTN với số tiền 1.746.160đ.

- Chị C cung cấp chứng cứ là bản sao sổ bảo hiểm xã hội thể hiện: từ tháng 8/2011 đến tháng 06/2023, chị C đang làm việc tại Công ty TNHH Puo Yuen Việt Nam, địa chỉ: D10/89Q phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 06/2023, có sổ Bảo hiểm xã hội số 7911346118.

Từ những chứng cứ trên cho thấy trong khoảng thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2015 thì người mang tên Đặng Thị C cùng lúc tham gia 02 sổ bảo hiểm xã hội khác nhau, làm việc tại hai Công ty khác nhau. Việc chị Đ tham gia trực tiếp lao động tại Công ty TNHH B từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2015 nhưng ký kết hợp đồng lao động ghi tên Đặng Thị C là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994, vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị C tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH B và chị Đặng Thị C.

[3.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết về bảo hiểm xã hội.

[4] Về án phí: Chị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 300.000đ

[4] Xét, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 15, 49, 50, 51 Bộ luật lao động năm 2019 ; điểm a, khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị C.

Tuyên bố: Vô hiệu hợp đồng lao động giữa chị Đặng Thị C với Công ty TNHH B từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2015.

2. Về hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động bị vô hiệu, nên không xem xét.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội theo quy định.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị C tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002128 ngày 18/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long); chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị C, Đặng Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH B, BHVL được quyền kháng cáo bản trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND khu vực 1- Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú